



**TÔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ-CÔNG TY
CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Bốn

Ông Bùi Tuấn Anh

Ông Lê Chung

Ông Đinh Văn Dĩnh

Ông Đỗ Văn Thanh

Ông Ly Tài Fong

Ông Hồ Khả Thịnh

Chủ tịch (tạm thời từ ngày 11 tháng 7 năm 2012)

Chủ tịch (từ ngày 25 tháng 4 năm 2012 đến ngày 11 tháng 7 năm 2012)

Chủ tịch (đến ngày 25 tháng 4 năm 2012)

Phó Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2012)

Ủy viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2012)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đỗ Văn Thanh

Ông Bùi Tuấn Anh

Ông Phạm Thanh Minh

Ông Lê Hữu Bốn

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 11 tháng 7 năm 2012)

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa tổ chức đại hội cổ đông để phê duyệt về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị mới.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Số: 0085 /Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

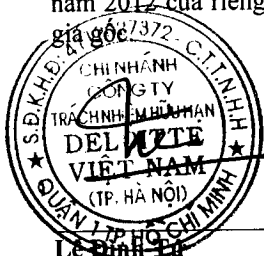
**Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày ở Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 của riêng Công ty, do đó các khoản đầu tư vào các công ty con được hạch toán theo phương pháp giá gốc.



Lê Đình Tư

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0488/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1144/KTV

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		360.691.075.502	441.640.710.957
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	40.946.268.373	126.575.495.036
1. Tiền	111		40.946.268.373	80.275.495.036
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	46.300.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		292.230.635.162	285.193.964.109
1. Phải thu khách hàng	131		54.580.797.732	24.017.329.495
2. Trả trước cho người bán	132		26.522.683.018	7.122.627.486
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5	198.042.200.491	247.657.802.685
4. Các khoản phải thu khác	135		13.277.798.740	6.589.049.262
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(192.844.819)	(192.844.819)
III. Hàng tồn kho	140	6	4.471.837.068	3.691.118.618
1. Hàng tồn kho	141		4.471.837.068	3.691.118.618
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.042.334.899	26.180.133.194
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	566.498.411
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.150.047.314	11.328.380.989
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.134.990	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		12.888.152.595	14.285.253.794
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		223.493.936.857	199.081.096.551
I. Tài sản cố định	220		13.381.120.421	10.638.460.771
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	8.126.816.697	7.099.889.181
- Nguyên giá	222		22.341.120.938	20.318.828.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.214.304.241)	(13.218.939.755)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	5.254.303.724	3.538.571.590
- Nguyên giá	228		8.692.714.594	6.318.501.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.438.410.870)	(2.779.930.298)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		189.756.217.750	169.344.074.017
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	41.415.600.000	41.415.600.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10	148.340.617.750	127.928.474.017
III. Tài sản dài hạn khác	260		20.356.598.686	19.098.561.763
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	19.778.603.619	18.350.686.260
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	577.995.067	577.995.067
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	169.880.436
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		584.185.012.359	640.721.807.508

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

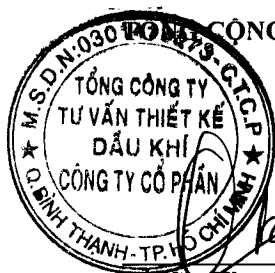
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		291.127.566.340	425.534.267.342
I. Nợ ngắn hạn	310		271.143.998.603	402.652.932.119
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	16.844.786.578	11.042.652.500
2. Phải trả người bán	312		63.505.851.161	46.542.908.217
3. Người mua trả tiền trước	313		5.146.253.829	65.310.633.613
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.398.132.486	13.038.472.649
5. Phải trả người lao động	315		6.094.071.767	32.576.741.080
6. Chi phí phải trả	316	15	142.877.764.573	179.265.880.413
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		21.684.623.934	40.765.129.549
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	16	8.012.797.079	10.537.297.079
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.579.717.196	3.573.217.019
II. Nợ dài hạn	330		19.983.567.737	22.881.335.223
1. Phải trả dài hạn khác	333		328.743.858	253.848.858
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	18.750.000.000	21.731.407.197
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		904.823.879	896.079.168
B. NGUỒN VỐN	400		293.057.446.019	215.187.540.166
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	293.057.446.019	215.187.540.166
1. Vốn điều lệ	411		250.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.421.558.415	321.888.415
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.100.295.812	1.600.295.812
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	4.224.799
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.902.424.923	5.902.424.923
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.366.191.762	4.892.901.528
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		16.266.975.107	22.465.804.689
II. CÔNG NGUYÊN VỐN	440		584.185.012.359	640.721.807.508



Đỗ Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Hồ Khả Thịnh

Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		156.871.175.543	303.565.457.558
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		156.871.175.543	303.565.457.558
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		130.857.234.458	259.095.121.045
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		26.013.941.085	44.470.336.513
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	5.914.621.523	4.090.585.344
7. Chi phí tài chính	22	21	621.426.948	159.171.381
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		574.821.366	142.753.015
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.306.597.744	21.158.776.846
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.000.537.916	27.242.973.630
10. Thu nhập khác	31		3.280.101.623	3.883.010.595
11. Chi phí khác	32		20.006.063	151.559.089
12. Lợi nhuận khác	40	22	3.260.095.560	3.731.451.506
13. Lợi nhuận trước thuế	50		20.260.633.476	30.974.425.136
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	3.993.658.369	7.754.856.284
15. Lợi nhuận sau thuế	60		<u>16.266.975.107</u>	<u>23.219.568.852</u>



Đỗ Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Hồ Khả Thịnh

Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

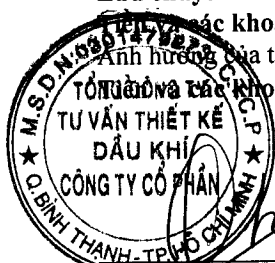
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.260.633.476	30.974.425.136
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.656.478.995	1.472.877.415
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.891.532.479)	(3.673.585.344)
Chi phí lãi vay	06	574.821.366	142.753.015
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	07	-	(1.433.472.395)
3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.600.401.358	27.482.997.827
Tăng các khoản phải thu	09	(5.099.626.448)	(149.207.858.758)
Tăng hàng tồn kho	10	(780.718.450)	(7.697.153.674)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(121.051.774.106)	65.084.146.114
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(861.418.948)	120.634.665
Tiền lãi vay đã trả	13	(574.821.366)	(142.753.015)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.496.710.965)	(2.068.000.538)
Tiền thu/(chi) khác cho hoạt động kinh doanh	16	4.513.436.772	(700.037.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(116.751.232.153)	(67.128.024.860)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.374.036.708)	(2.934.390.228)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(20.412.143.733)	(45.625.196.665)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	2.047.682.686	3.549.951.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.738.497.755)	(45.009.635.668)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	81.250.000.000	100.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	31.921.445.382	9.203.032.581
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(24.100.718.501)	(5.151.192.627)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(35.210.223.636)	(18.271.758.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	53.860.503.245	85.780.081.354
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(85.629.226.663)	(26.357.579.174)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	126.575.495.036	101.564.384.504
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	171.780.578
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	40.946.268.373	75.378.585.908

Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301479273 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 4103003829 ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Trước đây, Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”). Theo Nghị quyết 1894/NQ-DKVN ngày 9 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng thành viên Petro Việt Nam, Công ty được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và đã thực hiện việc đăng ký chuyển đổi tên thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 434 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 407 người).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán).
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác.
- Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở).
- Khảo sát xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cơ điện công trình dân dụng, công nghiệp đến nhóm B, điện áp $\leq 22\text{KV}$, kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp.
- Kiểm định chất lượng xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói (EPC)).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 của riêng Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược, và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nhận ký quỹ, ký cược, và các khoản vay và nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Số năm**

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 6
Phương tiện vận tải	6 – 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm thiết kế và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tám (8) năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một (1) năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) năm.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối trên 50% tương ứng với quyền kiểm soát, hoặc là một công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một (1) năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ. Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tiền mặt	16.582.970.531	12.742.495.109
Tiền gửi ngân hàng	24.363.297.842	67.532.999.927
Các khoản tương đương tiền	-	46.300.000.000
	40.946.268.373	126.575.495.036

5. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Chi tiết phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án như sau:

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Dự án Lô B Ô Môn mới	43.160.734.925	34.457.467.172
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	68.067.032.139	70.656.663.096
Dự án Phát Triển Mỏ Thái Bình	28.114.068.318	-
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	22.000.000.000	81.620.973.361
Dự án Instrumentation Work Subcontract PVTEX-SC-002	3.431.423.035	7.975.829.738
Dự án LPG lạnh Bà Rịa - Vũng Tàu	727.946.315	5.453.021.381
Dự án Tư vấn Thiết kế Nhà máy Quảng Trạch 1	182.209.152	3.487.994.751
Dự án Khảo sát Lô B Ô Môn	-	1.909.353.000
Dự án Khảo sát phục vụ Thiết kế FEED Nam Côn Sơn	-	6.518.401.201
Dự án Nhà máy condensate Cà Mau	-	2.512.507.183
Dự án Tuyến ống kết nối Đông Tây Nam Bộ	-	1.763.528.419
Dự án Xây dựng nhà máy chế tạo ống thép tại KCN Soài Rạp	-	1.701.909.711
Các dự án khác	24.985.288.664	29.600.153.672
	198.042.200.491	247.657.802.685

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Công cụ, dụng cụ	12.493.529	12.493.529
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.459.343.539	3.678.625.089
	4.471.837.068	3.691.118.618

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	4.428.220.997	4.898.018.842	5.773.125.242	5.219.463.855	20.318.828.936
Tăng trong kỳ	-	89.434.002	-	1.955.498.000	2.044.932.002
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(22.640.000)	(22.640.000)
Tại ngày 30/6/2012	4.428.220.997	4.987.452.844	5.773.125.242	7.152.321.855	22.341.120.938
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	3.231.507.455	4.587.242.866	3.612.547.199	1.787.642.235	13.218.939.755
Khấu hao trong kỳ	111.260.802	73.016.751	248.110.878	565.609.992	997.998.423
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(2.633.937)	(2.633.937)
Tại ngày 30/6/2012	3.342.768.257	4.660.259.617	3.860.658.077	2.350.618.290	14.214.304.241
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	1.085.452.740	327.193.227	1.912.467.165	4.801.703.565	8.126.816.697
Tại ngày 31/12/2011	1.196.713.542	310.775.976	2.160.578.043	3.431.821.620	7.099.889.181

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 với nguyên giá là 7.173.369.392 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 6.673.663.000 đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNHPhần mềm
VNĐ**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 1/1/2012

6.318.501.888

Tăng trong kỳ

2.374.212.706

Tại ngày 30/6/2012

8.692.714.594

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 1/1/2012

2.779.930.298

Khấu hao trong kỳ

658.480.572

Tại ngày 30/6/2012

3.438.410.870

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 30/6/2012

5.254.303.724

Tại ngày 31/12/2011

3.538.571.590

Tài sản cố định vô hình bao gồm một số phần mềm thiết kế đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 với nguyên giá là 1.459.946.460 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.459.946.460 đồng).

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết đầu tư vào các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm:

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý Dự án Dầu khí PVE	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí	11.415.600.000	11.415.600.000
	41.415.600.000	41.415.600.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE	Thành phố Hồ Chí Minh	91,56%	91,56%	Tư vấn quản lý các dự án chuyên ngành dầu khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	Thành phố Hồ Chí Minh	86,75%	86,75%	Khảo sát phục vụ thiết kế, kiểm định và dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	Thành phố Hà Nội	44,39%	44,39%	Tư vấn, quản lý dự án xây lắp các công trình dân dụng và chuyên ngành dầu khí

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Theo Nghị quyết số 10004/NQ-DKVN ngày 4 tháng 11 năm 2010, Petro Việt Nam đã chấp thuận việc chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí cho Công ty. Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí, nhưng theo thỏa thuận, Công ty có quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí vì Công ty có quyền bỏ đa số phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí là công ty con của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2011.

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 giữa Công ty với các bên Tổng Công ty khí Việt Nam (gọi tắt là "PV Gas") và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (gọi tắt là "Phú Long"), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" trên diện tích đất 7.441 m² tại địa điểm số 673, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng mức đầu tư dự kiến là 827 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của PV Gas, Công ty và Phú Long lần lượt là 70%, 20% và 10%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, tiến độ góp vốn Công ty đã thực hiện như sau:

	Số vốn cam kết góp theo hợp đồng VNĐ	Số vốn thực góp 30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower	<u>165.400.000.000</u>	<u>148.340.617.750</u>	<u>127.928.474.017</u>

Công ty đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này và các phụ lục hợp đồng kèm theo để thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh số 17).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 31/12/2011 VNĐ
Số dư đầu kỳ	18.350.686.260	1.155.201.532
Tăng trong kỳ	8.907.296.533	18.653.840.484
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(7.479.379.174)	(1.148.269.562)
Giảm khác (Góp vốn vào Công ty con)	-	(310.086.194)
Số dư cuối kỳ	<u>19.778.603.619</u>	<u>18.350.686.260</u>

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tương ứng với phần chênh lệch tạm thời chi phí lãi vay phát sinh từ khoản vay dài hạn để đầu tư vào dự án Tòa nhà văn phòng Dragon Tower.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Vay ngắn hạn	13.863.379.381	6.042.652.500
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	2.981.407.197	-
Vay ngắn hạn khác	-	5.000.000.000
	<u>16.844.786.578</u>	<u>11.042.652.500</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0126/KH/11NH ngày 16 tháng 6 năm 2011. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 150 tỷ đồng với thời hạn rút vốn kể từ ngày hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2013. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	-	438.366.304
Thuế thu nhập doanh nghiệp	969.603.539	6.472.656.135
Thuế thu nhập cá nhân	428.528.947	6.127.450.210
	1.398.132.486	13.038.472.649

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	101.173.587.925	138.378.918.898
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	13.073.101.265	6.678.674.283
Dự án Instrumentation Work Subcontract PVTEX-SC	1.517.834.474	4.493.759.500
Dự án khảo sát cảng Phước An	4.937.381.454	-
Dự án Khảo sát phục vụ Thiết kế FEED Nam Côn Sơn	3.386.672.744	3.386.672.744
Dự án Sửa chữa giàn MSP10 Mỏ Bạch Hổ	3.131.948.364	1.519.306.030
Dự án Lô B Ô Môn mới	-	9.813.977.025
Dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	1.000.000.000
Các dự án khác và chi phí khác	15.657.238.347	13.994.571.933
	142.877.764.573	179.265.880.413

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành công trình với tỉ lệ từ 3% đến 5% giá trị hợp đồng xây lắp, trong thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành cho khách hàng.

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 31/12/2011 VNĐ
Số dư đầu kỳ	10.537.297.079	12.044.443.591
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ/năm	-	2.346.018.276
Hoàn nhập dự phòng (xem Thuyết minh số 22)	(2.524.500.000)	(3.853.164.788)
Số dư cuối kỳ	8.012.797.079	10.537.297.079

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tại ngày 20 tháng 4 năm 2011, Công ty ký hợp đồng tín dụng dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "VCB Hồ Chí Minh") với hạn mức 90 tỷ đồng và thời hạn vay là chín mươi sáu (96) tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là để thanh toán một phần vốn góp để đầu tư dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất cho vay dài hạn để kinh doanh bất động sản bằng Đồng Việt Nam do VCB Hồ Chí Minh công bố vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất (ba tháng 1 lần kể

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

từ ngày giải ngân đầu tiên) và được trả hàng quý. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty rút vốn với tổng số tiền 21.731.407.197 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 21.731.407.197 đồng).

Công ty sử dụng quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, giữa Công ty với các bên Tổng Công ty khí Việt Nam (gọi tắt là "PV Gas") và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (gọi tắt là "Phú Long"), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower", để thế chấp cho khoản vay này. Tài sản thế chấp được định giá là 151 tỷ đồng.

Trong kỳ, lịch trả nợ vay đã được ký kết giữa Công ty và VCB Hồ Chí Minh do Công ty không còn nhu cầu giải ngân. Toàn bộ khoản nợ vay được trả trong 29 kỳ trả nợ gốc theo lịch biểu như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	2.981.407.197	-
Trong năm thứ hai	3.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.000.000.000	-
Sau năm năm	6.750.000.000	21.731.407.197
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(2.981.407.197)	-
Số phải trả sau 12 tháng	18.750.000.000	21.731.407.197

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần được phép phát hành	25.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	25.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành tại cuối kỳ	25.000.000	18.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 18/NQ-ĐHDCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty từ 180 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm 7 triệu cổ phần phổ thông với tổng mệnh giá phát hành là 70 tỷ đồng. Đến ngày 22 tháng 3 năm 2012, Công ty đã thu đủ tiền vốn góp của các cổ đông. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp	
	30/6/2011	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	72.500.000.000	52.200.000.000
Công ty Technip Geoproduction Sdh Bhd	25.000.000.000	-
Vietnam Equity Holding	14.826.675.000	12.745.000.000
Vietnam Holding Limited	19.259.400.000	-
Ông Đỗ Đức Hiếu	12.785.940.000	11.118.210.000
Các cổ đông khác	105.627.985.000	103.936.790.000
	250.000.000.000	180.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

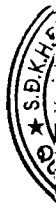
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2011	80.000.000.000	353.718.415	1.609.545.812	109.330	4.750.644.717	3.741.121.322	12.235.604.127	102.690.743.723
Tăng vốn trong năm	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Trích quỹ trong năm	-	-	(9.250.000)	-	1.151.780.206	1.151.780.206	(4.135.604.127)	(1.841.293.715)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(35.100.000.000)	(35.100.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	4.115.469	-	-	-	4.115.469
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	49.465.804.689	49.465.804.689
Giảm khác	-	(31.830.000)	-	-	-	-	-	(31.830.000)
Tại ngày 31/12/2011	180.000.000.000	321.888.415	1.600.295.812	4.224.799	5.902.424.923	4.892.901.528	22.465.804.689	215.187.540.166
Tăng vốn trong kỳ	70.000.000.000	11.250.000.000	-	-	-	-	-	81.250.000.000
Trích quỹ trong kỳ	-	-	500.000.000	-	-	2.473.290.234	(6.265.804.689)	(3.292.514.455)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(16.200.000.000)	(16.200.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(4.224.799)	-	-	-	(4.224.799)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	16.266.975.107	16.266.975.107
Giảm khác	-	(150.330.000)	-	-	-	-	-	(150.330.000)
Tại ngày 30/6/2012	250.000.000.000	11.421.558.415	2.100.295.812	-	5.902.424.923	7.366.191.762	16.266.975.107	293.057.446.019

Theo Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty, Công ty đã công bố chia tổng số cổ tức là 43,2 tỷ đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011 với tỉ lệ là 17,28%/mệnh giá mỗi cổ phần (năm 2011: 18,9 tỷ đồng). Trong năm 2011, Công ty đã công bố tạm chia cổ tức là 27 tỷ đồng, phần cổ tức còn lại 16,2 tỷ đồng được công bố và chi trả cho các cổ đông trong năm 2012. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phần cổ tức chưa được chi trả cho các cổ đông là 7.989.776.364 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã thực hiện trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2012.



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.514.540.896	164.052.358.476
Chi phí nhân công	81.203.896.667	37.849.895.716
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.656.478.995	777.973.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.158.696.337	60.160.298.677
Chi phí khác	22.099.950.889	44.799.201.688
	182.633.563.784	307.639.728.480

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lãi tiền gửi	1.579.538.542	3.673.585.344
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.332.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.082.981	417.000.000
	5.914.621.523	4.090.585.344

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lãi tiền vay	574.821.366	142.753.015
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.605.582	9.178.463
Chi phí tài chính khác	-	7.239.903
	621.426.948	159.171.381

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Hoàn nhập các khoản nợ phải trả kéo dài trên 3 năm	586.443.019	1.737.761.844
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	143.676.364	-
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	2.524.500.000	589.065.027
Chênh lệch đánh giá lại tài sản để góp vốn	-	1.433.472.395
Khác	25.482.240	122.711.329
Thu nhập khác	3.280.101.623	3.883.010.595
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(20.006.063)	(150.363.648)
Khác	-	(1.195.441)
Chi phí khác	(20.006.063)	(151.559.089)
Lợi nhuận khác	3.260.095.560	3.731.451.506

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	20.260.633.476	30.974.425.136
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.332.000.000)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	46.000.000	45.000.000
Thu nhập chịu thuế	15.974.633.476	31.019.425.136
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.993.658.369	7.754.856.284

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.946.268.373	126.575.495.036
Phải thu khách hàng và phải thu khác	265.707.952.144	278.071.336.623
Các khoản ký quỹ, ký cược	169.880.436	4.833.647.208
Các khoản đầu tư dài hạn khác	148.340.617.750	127.928.474.017
	455.164.718.703	537.408.952.884
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	93.203.272.174	97.845.334.845
Chi phí phải trả	142.877.764.573	179.265.880.413
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	328.743.858	253.848.858
Các khoản vay và nợ	35.594.786.578	32.774.059.697
	272.004.567.183	310.139.123.813

Do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	38.367.731	153.771.677	-	-
	38.367.731	153.771.677	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định. Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1- 5 năm <u>VND</u>	Sau 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
30/6/2012				
Phải trả người bán và phải trả khác	93.203.272.174	-	-	93.203.272.174
Chi phí phải trả	142.877.764.573	-	-	142.877.764.573
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	328.743.858	-	328.743.858
Các khoản vay và nợ	16.844.786.578	12.000.000.000	6.750.000.000	35.594.786.578
	252.925.823.325	12.328.743.858	6.750.000.000	272.004.567.183

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***31/12/2011**

Phải trả người bán và phải trả khác	97.845.334.845	-	-	97.845.334.845
Chi phí phải trả	179.265.880.413	-	-	179.265.880.413
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	253.848.858	-	253.848.858
Các khoản vay và nợ	11.042.652.500	-	21.731.407.197	32.774.059.697
	288.153.867.758	253.848.858	21.731.407.197	310.139.123.813

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Sau 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
30/6/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.946.268.373	-	-	40.946.268.373
Phải thu khách hàng và phải thu khác	265.707.952.144	-	-	265.707.952.144
Các khoản ký quỹ, ký cược	169.880.436	-	-	169.880.436
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-	148.340.617.750	148.340.617.750
	306.824.100.953	-	148.340.617.750	455.164.718.703

31/12/2011

Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	126.575.495.036	-	-	126.575.495.036
Phải thu khách hàng và phải thu khác	278.071.336.623	-	-	278.071.336.623
Các khoản ký quỹ, ký cược	4.663.766.772	169.880.436	-	4.833.647.208
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-	127.928.474.017	127.928.474.017
	409.310.598.431	169.880.436	127.928.474.017	537.408.952.884

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lương	1.808.037.315	2.054.368.363
Tiền thưởng	270.015.000	380.500.000
	2.078.052.315	2.434.868.363



Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng